TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương
Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hùng Cường
Ông Nguyễn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hà Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Nguyên Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2025/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025; Thông báo sửa chữa, bổ sung quyết định số: 03/2025/TB-TA ngày 10 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/HSST-QĐ ngày 21/02/2025 và số 23/2025/HSST-QĐ ngày 18/3/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung T (tên gọi khác: Không) - sinh năm 1989 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1963) và bà Đặng Thị H (sinh năm 1965); có vợ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992; có 02 con lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số: 47/2009/HSPT ngày 30/3/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản", chấp hành xong ngày 30/8/2010. Bản án số: 25/2019/HSPT ngày 07/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có", chấp hành xong ngày 12/3/2020. Bị cáo chấp hành xong án phí của hai bản án vào tháng 4 năm 2019. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện D (nay là P trại tạm giam khu vực D) ngày 14/02/2024; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện D, Khánh Hòa
Bà Q vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện D, Khánh Hòa
Bà H2 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa
Bà N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh D, sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn Cẩm Sơn, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa
Bà Danh vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện D, Khánh Hòa.
Ông H3 có mặt.

3. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1991
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn V, huyện V, Khánh Hòa.
Bà T2 vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Võ Thị Ngọc P1, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Bà P1 vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Kim T3, sinh năm 1981
Địa chỉ: Khu B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Bà T3 vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Bà M vắng mặt.

4. Ông Ngô Quốc P2, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa
Ông P2 vắng mặt.

5. Ông Hoàng Công N1, sinh năm 1987
Địa chỉ thường trú: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: B N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ông N1 vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa
Bà Q2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung T và bạn gái Trần Thị T2 đang ở nhờ nhà ông Nguyễn Ngọc H3 tại thôn Đ, xã D, huyện D. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 14/02/2024, tổ công tác Công an huyện D phối hợp với Công an xã D tiến hành kiểm tra hành chính nhà ông H3 thì thấy T đi ra từ căn chòi phía sau nhà, trên tay cầm 02 gói nylon màu trắng kích thước (7x4)cm, (3x1)cm bên trong có chứa tinh thể đá màu trắng.

Thấy tổ công tác, T liền ném 02 gói nylon xuống đất thì bị tổ công tác phát hiện bắt giữ và lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng (được niêm phong, ký hiệu là A). T khai nhận chất bị thu giữ là ma túy để sử dụng cho bản thân và trước đó T đã nhiều lần cho T2 sử dụng ma túy tại căn chòi của H3, lần gần nhất là khoảng 01 giờ 00 phút ngày 14/02/2024, phù hợp với lời khai Trần Thị T2.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định Nguyễn Trung T còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện D, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 27/01/2024, Nguyễn Trung T đi bộ đến thôn C, xã D, huyện D để trộm cắp tài sản. T phát hiện nhà bà Nguyễn Thị Minh D đã ngủ. T đi ra phía sau nhà bà D cạy chốt cửa đột nhập vào bên trong lấy trộm 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng, 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu trắng, gắn biển số: 79D1-400.24 của chị Nguyễn Thị Ngọc Q (con gái bà D). Sau đó, T điều khiển xe mô tô trên về nhà Nguyễn Ngọc H3, T mở cốp xe trộm cắp được phát hiện 01 ví nữ bên trong có giấy tờ cá nhân, giấy đăng ký xe mô tô 79D1-400.24 mang tên chị Q và 1.000.000 đồng. Sáng cùng ngày, T đem xe trộm cắp đến khu vực Lầu G, phường V, thành phố N bán cho 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá tiền 5.000.000 đồng, T mua của người này 02 gói ma túy với giá 1.100.000 đồng, số tiền còn lại, T đã tiêu dùng hết; điện thoại trộm cắp được T thay sim số 0829499289 để sử dụng.

Vụ thứ 2: Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 06/02/2024, T đi bộ đến thôn C, xã D, để trộm cắp tài sản. T phát hiện trong sân nhà bà Lê Thị H2 dựng 01 xe mô tô hiệu Wave RS, gắn biển số 79D1-295.19, thấy không có người, T lén lút lấy trộm xe máy trên đem về sử dụng. Tại nhà H3, T tháo dàn vỏ nhựa xe rồi sơn lại làm phương tiện đi lại, biển số xe T tháo ra ném mất.

Vụ thứ 3: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 13/02/2024, T điều khiển xe mô tô trộm cắp của bà Lê Thị H2 về nhà mình tại thôn T, xã D, huyện D. T đi ngang nhà bà Nguyễn Thị N (cùng thôn) phát hiện không có người, T trèo rào phía sau đột nhập vào nhà bà N, bẻ Cammera an ninh quay hướng khác, sau đó dùng cây kéo lấy trong nhà bà N cậy chốt cửa đột nhập vào bên trong nhà trộm cắp 01 nhẫn kim loại đính đá màu xanh, 01 cặp hoa tai, 01 ví vải bên trong có số tiền 145.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Trung T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong vụ án này, T đã nhiều lần phạm tội trộm cắp tài sản.

Tại bản kết luận giám định số: 132/2024/KL-KTHS ngày 19/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận: Tinh thể màu trắng trong mẫu A gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,8686 gam là loại Methamphetamine.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 18 ngày 02/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản kết luận:

- Vụ trộm cắp tài sản ngày 27/01/2024 gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 79D-400.24 trị giá 17.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X trị giá: 5.500.000 đồng, 01 ví nhựa màu đỏ, trị giá: 30.000 đồng và

1.000.000 đồng tiền mặt trong cóp xe. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp của chị Q là 24.030.000 đồng.

- Vụ trộm cắp tài sản ngày 06/02/2024 gồm: 01 xe mô tô hiệu Wave RS, biển số 79D1-295.19 trị giá 7.600.000 đồng

- Vụ trộm cắp tài sản ngày 13/02/2024 gồm: 01 nhẫn kim loại đính đá xanh trị giá 3.908.611 đồng, 01 cặp hoa tai hàm lượng vàng 61% trị giá: 3.372.571 đồng. 01 ví vải nữ họa tiết hình con mèo trị giá: 45.000 đồng và số tiền 145.000 đồng trong ví. Tổng giá trị tài sản, T trộm cắp của bà N là 7.471.182 đồng.

Tổng giá trị tài sản, T trộm cắp của 03 vụ là 39.101.182 đồng.

Tang vật thu giữ:

- Tạm giữ của Nguyễn Trung T gồm: 02 gói nylon màu trắng bên trong chứa tinh thể đá màu trắng (không hoàn lại sau khi giám định). 01 điện thoại hiệu Iphone X màu trắng dung lượng 64GB, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc Q (đã trả cho Nguyễn Thị Ngọc Q). Số tiền 145.000 đồng; 01 nhẫn kim loại, 01 cặp hoa tai, 01 ví nữ bằng vải (đã trả cho bà Nguyễn Thị N). Xe mô tô kiểu dáng Wave RS không có dàn nhựa, màu sơn đen, không gắn biển số) đã trả cho bà Lê Thị H2. 01 ống Thủy tinh dùng để sử dụng ma túy đá.

- Tạm giữ của Nguyễn Ngọc H3 gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (01 chai nước nhựa, 01 ống nước nhựa, 01 nỏ thủy tinh, 01 bật lửa màu xanh, 02 bình nhựa có gắn ống hút, 01 tim lửa). 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, gắn biển số 79D1-143.18, số khung RLCUE3240HY098876, số máy E3X9E279178. 01 xe mô tô hiệu Lifan màu xanh, số máy RL8139FMBL1SE005108, số khung: RL8DCB6UME1005108, gắn biển số 79L2-5327. 01 xe mô tô kiểu dáng Wave không dàn nhựa, màu sơn xám có số khung RLHC12288Y021058, số máy HC12E0532067, gắn biển kiểm soát 79X1-0902 (đã chuyển Công an Khánh Vĩnh điều tra theo thẩm quyền).

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Ngọc Q đã nhận lại điện thoại đã mất, yêu cầu Nguyễn Trung T bồi thường số tiền 18.500.000 đồng. Bà Lê Thị H2, Nguyễn Thị N đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSDK ngày 22/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 07 năm đến 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Đề nghị áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo T chấp hành 09 năm 03 tháng đến 11 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14/02/2024.

Về vật chứng: Ma túy sau giám định không hoàn lại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 nỏ thủy tinh, 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy gồm: 01 bình nhựa hiệu Sting, 01 ống nhựa màu hồng, 01 nỏ thủy tinh, 01 quẹt ga màu xanh, 02 bình nhựa có gắn ống hút, 01 tiêm lửa. 01 sim số 0829499289. Xác minh, làm rõ và xử lý sau đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu sơn xanh, gắn biển kiểm soát: 79D1-143.18, số khung RLCUE3240HY098876, số máy E3X9E279178 và 01 xe mô tô hiệu Lifan màu xanh, số máy RL8139FMBL1SE005108, số khung: RL8DCB6UME1005108, gắn biển kiểm soát: 79L2-5327.

Về trách nhiệm dân sự: Bà H4 và bà N đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với xe mô tô biển kiểm soát 79D1- 400.24 có giá trị 17.500.000 đồng và số tiền mặt 1.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận thống nhất với nội dung luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo không thừa nhận thực hiện tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", bị cáo cho rằng các lời khai ban đầu về việc bị cáo có đưa ma túy tại chòi nhà ông H3 cho T2 và rủ T2 cùng sử dụng ma túy là không đúng vì khi đó bị cáo bị phê ma túy, không tỉnh táo và bị cáo bị ép cung nên mới khai như vậy.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát cho rằng những lời trình bày, lời bào chữa của bị cáo Nguyễn Trung T là không có cơ sở, bị cáo thay đổi lời khai, không thừa nhận việc đưa ma túy và rủ Trần Thị T2 cùng sử dụng ma túy nhiều lần. Việc thay đổi lời khai của bị cáo là mâu thuẫn với lời khai của chính bị cáo trước đây và mâu thuẫn với lời khai của Trần Thị T2 cũng như mâu thuẫn với diễn biến toàn bộ nội dung sự việc. Căn cứ vào Biên bản phạm tội quả tang lập ngày 14/02/2024, thời điểm lập biên bản có bà Trần Thị T2, có ông Nguyễn Ngọc H3 và có chính quyền địa phương; bị cáo thừa nhận, không có việc bị cáo bị ép cung. Các bản tường trình, biên bản ghi lời khai sau đó bị cáo vẫn thừa nhận chuẩn bị và rủ T2 cùng sử dụng ma túy vào lúc 01 giờ sáng ngày 14/02/2024 và các lần khác, phù hợp với lời khai của T2 về thời gian, địa điểm. Ngoài ra, khi xét nghiệm cả T và T2 cùng dương tính với ma túy là M1. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên lời luận tội và Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo T cho rằng bị oan nhưng bị cáo trình bày không có chứng cứ và không có người làm chứng, bị cáo không tranh luận gì thêm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai tại hồ sơ, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D, Đ, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng bị cáo bị ép cung tuy nhiên tại bản tường trình ngày 14/02/2024 bị cáo tự viết, các bản ghi lời khai bị cáo ghi nội dung "Tôi đã đọc rõ nội dung như tôi đã khai" và ký ghi rõ họ tên; ngoài ra các lần hỏi cung đều có ghi hình được lưu tại hồ sơ, thể hiện cán bộ điều tra, Điều tra viên tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Ngọc H3 có mặt, xác nhận không có việc bị cáo bị đánh đập hay ép cung. Điều đó cho thấy việc bị cáo cho rằng bị cáo bị ép cung là hoàn toàn không có cơ sở. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 14/02/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D kiểm tra hành chính tại nhà ông Nguyễn Ngọc H3, phát hiện và thu giữ tại căn nhà chòi của ông H3, nơi ông H3 cho bị cáo Nguyễn Trung T ở nhờ được tổng khối lượng 0,8686g ma túy, loại Methamphetamine do T cất giấu. T khai nhận cất ma túy để sử dụng cho bản thân và trước đó T đã nhiều lần cho T2 sử dụng ma túy tại căn chòi của H3, lần gần nhất là khoảng 01 giờ 00 phút ngày 14/02/2024, phù hợp với lời khai của Trần Thị T2.

Quá trình điều tra ban đầu, bị cáo Nguyễn Trung T khai nhận khoảng 01 giờ sáng, ngày 14/02/2024, bị cáo lấy một ít ma túy đá đã mua trước đó đổ vào nỏ rồi cho Trần Thị T2 sử dụng chung, cả hai thay phiên nhau sử dụng, ngoài ra trước đó bị cáo có cho T2 sử dụng ma túy nhiều lần và không lấy tiền là phù hợp với lời khai của Trần Thị T2.

Việc bị cáo Nguyễn Trung T thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi chuẩn bị ma túy, rủ T2 cùng sử dụng mà chỉ sử dụng một mình là không có cơ sở,

mâu thuẫn với lời khai ban đầu của bị cáo và lời khai của Trần Thị T2, cũng như không phù hợp với diễn biến sự việc diễn ra. Tại bản tường trình cũng như các biên bản lấy lời khai, T2 khai cụ thể và rõ ràng là khoảng 01 giờ sáng ngày 14/02/2024, T đưa ma túy rồi xúc bỏ vào dụng cụ sử dụng ma túy của T, rồi rủ T2 sử dụng, T2 đồng ý và cả hai cùng sử dụng, việc T2 xét nghiệm dương tính với ma túy là do sử dụng ma túy cùng với T vào lúc 01 giờ sáng ngày 14/02/2024. Ngoài lần này ra, T2 khai T rủ T2 sử dụng chung ma túy với T vào đêm ngày 08/02/2024 và đêm ngày 12/02/2024 cũng tại chòi nhà ông H3, phù hợp với lời khai ban đầu của T là có cho T2 sử dụng.

Như vậy, từ những lập luận trên, có cơ sở xác định Nguyễn Trung T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh đã truy tố. Việc bị cáo cho rằng bị cáo không đưa ma túy, không rủ T2 và không sử dụng ma túy với T2 là không có căn cứ chấp nhận.

Quá trình điều tra T khai nhận thực hiện nhều vụ trộm cắp khác trên địa bàn huyện D, cụ thể: Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 27/01/2024, Nguyễn Trung T đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị Minh D, địa chỉ: thôn C, xã D, huyện D trộm cắp của bà Nguyễn Thị Ngọc Q gồm 01 xe máy hiệu Honda Vision biển số 79D1-400.24, 01 điện thoại Iphone X, 01 ví nhựa màu đỏ bên trong có số tiền 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp của bà Q là 24.030.000 đồng. Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 06/02/2024, Nguyễn Trung T đột nhập vào nhà bà Lê Thị H2, địa chỉ: thôn C, xã D, huyện D trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Wave RS, biển số 79D1-295.19 trị giá 7.600.000 đồng. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 13/02/2024, Nguyễn Trung T đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: thôn T, xã D, huyện D trộm cắp 01 nhẫn kim loại đính đá màu xanh, 01 cặp hoa tai, 01 ví vải bên trong có số tiền 145.000 đồng. Tổng giá trị tài sản, T trộm cắp của bà N là 7.471.182 đồng. Tổng cộng tài sản, T trộm cắp có giá trị 39.101.182 đồng.

Với các lời khai về hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cho thấy bản cáo trạng số: 05/CT-VKSDK ngày 22/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh là có căn cứ, đúng pháp luật, đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Trung T đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự và tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội "Cướp tài sản" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã liên tiếp thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản và còn tổ chức sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy. Xét, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác. Ngoài ra, mọi hành vi tổ chức sử dụng, tàng trữ ma túy mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đều bị nghiêm cấm và xử lý theo

quy định của pháp luật nên cần xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo đối với tội "Trộm cắp tài sản". Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo đối với tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Trộm cắp tài sản".

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, sống lang thang, không có nơi ở ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với hành vi Trần Thị T2 sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 14/02/2024, đã bị Công an huyện D ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 06 ngày 28/02/2024, với số tiền 1.500.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra, xác minh nhân thân lai lịch xem xét hành vi có dấu hiệu tội phạm của Trần Thị T2, là người đã được T cho ma túy và đồng ý sử dụng cùng T nhiều lần, lần gần nhất là ngày 14/02/2023 tại chòi nhà ông Phạm Ngọc H5 và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi Nguyễn Ngọc H3 sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 13/02/2024, đã bị Công an huyện D ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 07 ngày 28/02/2024, với số tiền 1.500.000 đồng.

Đối với người đàn ông đã mua xe trộm cắp từ T và bán ma túy cho T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với việc Nguyễn Trung T sử dụng ma túy tại căn chòi của Nguyễn Ngọc H3, H3 không biết T sử dụng ma túy, nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H3 về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" là phù hợp.

Đối với việc Nguyễn Trung T mang xe trộm cắp hiệu Wave RS, gắn biển số 79D1-295.19 về nhà Nguyễn Ngọc H3 để sử dụng. Ông H3 không biết rõ đây là xe do T phạm tội mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông H3 về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt các bị hại xác nhận không yêu cầu bị cáo bồi thường hay tiếp tục bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 nỏ thủy tinh, 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy gồm: 01 bình nhựa hiệu Sting, 01 ống nhựa màu hồng, 01 nỏ thủy tinh, 01 quẹt ga màu xanh, 02 bình nhựa có gắn ống hút, 01 tiêm lửa. 01 sim số 0829499289. Xét cần tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

Đối với xe 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, gắn biển kiểm soát: 79D1-143.18, số khung RLCUE3240HY098876, số máy E3X9E279178 và 01 xe mô tô hiệu Lifan màu xanh, số máy RL8139FMBL1SE005108, số khung: RL8DCB6UME1005108, gắn biển kiểm soát: 79L2-5327 thu giữ tại nhà ông

Nguyễn Ngọc H3, ông H3 xác định không phải tài sản của ông, có người gửi nhờ nhưng ông không biết người gửi là ai, qua xác minh các chủ sở hữu đứng tên giấy đăng ký xe xác nhận họ đều đã bán lại cho người khác, không còn liên quan đến họ nên chưa có căn cứ để xác định chủ sở hữu tài sản nêu trên. Xét hai xe mô tô này chưa xác định được chủ sở hữu nhưng không phải là vật chứng trong vụ án nên giao lại cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh K để thông báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trung T. Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trung T. Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trung T. Xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo Nguyễn Trung T phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/02/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 nỏ thủy tinh, 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy gồm: 01 bình nhựa hiệu Sting, 01 ống nhựa màu hồng, 01 nỏ thủy tinh, 01 quẹt ga màu xanh, 02 bình nhựa có gắn ống hút, 01 tiêm lửa. 01 sim số 0829499289.

- Giao 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu sơn xanh, số khung RLCUE3240HY098876, số máy E3X9E279178, gắn biển kiểm soát: 79D1-143.18 và 01 xe mô tô hiệu Lifan màu xanh, số máy RL8139FMBL1SE005108, số khung: RL8DCB6UME1005108, gắn biển kiểm soát: 79L2-5327 cho cơ quan điều tra Công an tỉnh K xử lý theo quy định của pháp luật. *(Đặc điểm của các vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa).*

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Tuyết Sương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.